



UBND PHƯỜNG THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 01 tháng 10 năm 2026

1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

- + **Bữa sáng:** Bún bò huế
- + **Bữa trưa:**
 - Món mặn: Gà chiên mắm
 - Món canh: Canh tôm tàu hủ thơm cà
 - Món xào: Súp lơ xanh hấp
 - Phụ trợ: sữa yakult
- + **Bữa chiều:**
 - Ăn xế: Cháo bồ câu đậu đen.

2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Định mức chi tiền ăn trong ngày		Số suất ăn trong ngày		Thực chi	Chênh lệch cuối ngày (thừa/ thiếu)
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Thực phẩm	
- Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)	3,910,000	102	289	3,769,300	140,700
- Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)	10,166,000	102	289	10,306,700	(140,700)
Tổng tiền chợ:	14,076,000			14,076,000	-
Tổng số học sinh đi học:	391				
XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family	15.09				
+ Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)	6.86				
+ Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)	8.23				

3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đ)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Ăn sáng				3,769,300	
1	Bún tươi	kg	33.00	12,000	396,000	
2	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	0.50	82,000	41,000	
3	Đường phèn	kg	0.60	38,000	22,800	
4	Viên bún bò (12 hộp/lóc, 144 hộp/thùng)	Viên	8.00	7,000	56,000	
5	Hành tây	kg	2.00	25,000	50,000	
6	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
7	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	0.50	43,000	21,500	
8	Ruốc Chì Trà 100gr/ hũ	Hũ	2.00	9,000	18,000	
9	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
10	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
11	Thịt bò đùi	kg	9.80	270,000	2,646,000	
12	Sả	kg	2.000	24,000	48,000	
13	Xương cùi heo có nạc	kg	5.00	85,000	425,000	
II	Ăn chính + phụ				10,306,700	
1	Cà chua	kg	3.00	42,000	126,000	
2	Bò câu làm sạch	Con	18.00	90,000	1,620,000	
3	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	5.50	82,000	451,000	

4	Đậu đen xanh lòng	kg	3.00	80,000	240,000	
5	Dầu hào Maggi 350gr (24 chai/thùng, 12chai/thùngk)	Chai	3.00	32,000	96,000	
6	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
7	Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)	Gói	2.00	39,000	78,000	
8	Gạo bồ câu (cò may)	kg	25.70	21,000	539,700	
9	Nếp thơm (nếp hương)	kg	2.00	32,000	64,000	
10	Hành lá	kg	0.54	50,000	27,000	
11	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
12	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	1.50	43,000	64,500	
13	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	1.00	6,000	6,000	
14	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	2.00	4,000	8,000	
15	Mắm Nam Ngư Đệ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	3.00	23,000	69,000	
16	Rong biển khô	kg	0.40	500,000	200,000	
17	Sữa chua uống lên men yakult (50 chai/thùng)	Chai	391.00	5,200	2,033,200	
18	Su lơ xanh sơ chế không củi	kg	7.00	70,000	490,000	
19	Tàu hũ non (hộp)	Hộp	30.00	17,000	510,000	
20	Thịt gà (đùi, ức) (gà cn)	kg	24.40	95,000	2,318,000	
21	Thịt gà kiền làm sạch không lòng	kg	2.60	130,000	338,000	
22	Thơm không củi	kg	4.00	34,000	136,000	
23	Tiêu xay rỗng tây nguyên (tiêu thường)(500gr/gói)	kg	0.05	180,000	9,000	
24	Tôm loại 1	kg	3.21	230,000	738,300	
25	Xì dầu Maggi 300ml (24 chai/thùng)	Chai	6.00	18,000	108,000	
TỔNG CỘNG					14,076,000	

Bằng chữ: Mười bốn triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng./.

